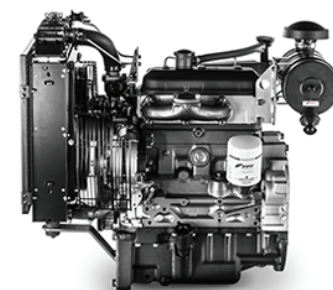


S8000

S8000 AM1

31 kWm @ 1500 vòng/phút

34 kWm @ 1800 vòng/phút



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Kiểu động cơ		Diezen 4 thì
Kiểu nạp khí		Nạp tự nhiên
Kiểu sắp xếp xi lanh		3L
Đường kính & hành trình piston	mm	104 x 115
Tổng dung tích xi lanh	lít	2.9
Số supap mỗi xi lanh	cái	0.002
Hệ thống làm mát		Dung dịch (nước - paraflu 50%)
Chiều quay động cơ (nhìn từ mặt bánh đà)		Ngược chiều kim đồng hồ
Kiểu điều tốc		Cơ khí
Kiểu phun nhiên liệu		Cơ khí
Tiêu chuẩn nhiên liệu		EN 590
Tiêu chuẩn nhớt bôi trơn		ACEA E3-E5
Tiêu hao nhớt bôi trơn		<0.2% tiêu hao nhiên liệu
Thời gian thay mới nhớt và lọc nhớt [***]	giờ	-
Tiêu hao nhiên liệu ở công suất dự phòng, 1500 v/p	l/h (g/kWh)	8.1 (218)
Tiêu hao nhiên liệu ở 100% tải, 1500 v/p	l/h (g/kWh)	7.1 (209)
Tiêu hao nhiên liệu ở 80% tải, 1500 v/p	l/h (g/kWh)	5.6 (209)
Tiêu hao nhiên liệu ở 50% tải, 1500 v/p	l/h (g/kWh)	3.8 (224)
Tiêu hao nhiên liệu ở công suất dự phòng, 1800 v/p	l/h (g/kWh)	8.9 (218)
Tiêu hao nhiên liệu ở 100% tải, 1800 v/p	l/h (g/kWh)	8.1 (214)
Tiêu hao nhiên liệu ở 80% tải, 1800 v/p	l/h (g/kWh)	6.4 (213.5)
Tiêu hao nhiên liệu ở 50% tải, 1800 v/p	l/h (g/kWh)	4.2 (225)
Dung tích nước làm mát: động cơ	lít	~5.5
Dung tích nước làm mát: động cơ + két nước	lít	~7.7
Tổng dung tích nhớt	lít	~

Hệ thống điện	Vcc	12
Dung lượng bình ắc quy đề xuất	Ah	-
Nhiệt độ tối thiểu để khởi động: không bugi xông	°C	-5
Nhiệt độ tối thiểu để khởi động: có bugi xông	°C	-12

KÍCH THƯỚC VÀ TRỌNG LƯỢNG

Kích thước	DxRxH	962 x 621 x 979
Trọng lượng khô	Kg	370

CÔNG SUẤT

Công suất định mức tại 1500 v/p	kWm	28.1
Công suất dự phòng tại 1500 v/p	kWm	31
Công suất định mức tại 1800 v/p	kWm	31
Công suất dự phòng tại 1800 v/p	kWm	34